

Số: 79 /TCT-TCKT

Bình Định, ngày 31 tháng 03 năm 2021

V/v công bố thông tin về Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán độc lập và giải trình các nội dung liên quan.

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

**1. Tổ chức công bố thông tin**

Tên Công ty: Tổng công ty PISICO Bình Định - CTCP

Mã chứng khoán: PIS

Địa chỉ: số 99 Tây Sơn, Phường Ghềnh Ráng Thành phố Quy Nhơn – Bình Định

Điện thoại: (0256) 3947099 Fax: (0256) 3947029

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Đồng Thị Ánh - Tổng giám đốc

**2. Nội dung công bố thông tin:**

**2.1 Báo cáo tài chính năm 2020 của Tổng công ty PISICO Bình Định - CTCP (PISICO) đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Deloitte Việt Nam, cụ thể:**

- Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ năm 2020

**2.2. Các nội dung giải trình:**

**Giải trình về biến động lợi nhuận sau thuế Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ năm 2020 đã được kiểm toán so với năm 2019:**

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020 (Đã kiểm toán)	Năm 2019 (Đã kiểm toán)	Chênh lệch
1	Doanh thu thuần	220.795.718.942	408.617.184.267	-45,97%
2	Doanh thu tài chính	19.447.029.751	23.004.560.693	-15,46%
3	Lợi nhuận sau thuế	23.588.997.477	27.999.793.724	-15,75%

Nguyên nhân: Trong năm 2020 do ảnh hưởng dịch Covid 19 tại nhiều quốc gia trên thế giới đã làm gián đoạn đối với chuỗi thương mại toàn cầu và ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động xuất khẩu của TCTy, đặc biệt là ngành nghề chế biến đồ gỗ xuất khẩu, từ đó làm doanh thu thuần giảm 45,97% so với năm 2019 nên lợi nhuận sau thuế giảm 15,75%.

Địa chỉ Website đăng tải: Thông tin này đã được công bố trên Website của PISICO vào ngày 31/03/2021 tại đường dẫn: [www.pisico.vn](http://www.pisico.vn)

Chúng tôi cam kết các thông tin được công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã được công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Website PISICO;
- Ban Tổng giám đốc;
- Các phòng nghiệp vụ
- Lưu: VT.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Đồng Thị Ánh



**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH -  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

**MỤC LỤC**

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 30



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty PISICO Bình Định - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Lâm Đình An	Chủ tịch
Bà Đồng Thị Ánh	Phó Chủ tịch
Ông Vũ Hồng Quân	Thành viên

#### **Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Hoàng Hải	Trưởng ban
Bà Đồng Thị Quỳnh Hương	Thành viên
Ông Nguyễn Tấn Bảo Toàn	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Bà Đồng Thị Ánh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Phúc	Phó Tổng Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



**Đông Thị Ánh**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 29 tháng 3 năm 2021

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty PISICO Bình Định - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty PISICO Bình Định - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2021, từ trang 4 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Lê Đình Tứ**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0488-2018-001-1

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 29 tháng 3 năm 2021

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam



**Ưng Hồng Diễm An**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 4132-2017-001-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>158.150.426.735</b>	<b>154.663.839.251</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>17.211.195.131</b>	<b>19.105.219.271</b>
1. Tiền	111	4	17.211.195.131	19.105.219.271
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>99.109.445.001</b>	<b>109.252.951.734</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	26.099.359.428	14.174.355.331
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	16.652.735.860	60.616.251.180
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	39.365.000.000	18.410.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	20.411.069.918	17.909.740.369
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(3.418.720.205)	(1.857.395.146)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>39.761.444.678</b>	<b>25.966.379.697</b>
1. Hàng tồn kho	141	10	39.761.444.678	25.966.379.697
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.068.341.925</b>	<b>339.288.549</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		469.853.687	339.288.549
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.598.488.238	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>283.338.505.828</b>	<b>300.171.793.896</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>60.173.596.051</b>	<b>63.787.257.591</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	48.963.094.979	52.254.616.231
- Nguyên giá	222		101.960.819.840	101.610.919.840
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(52.997.724.861)	(49.356.303.609)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	11.210.501.072	11.532.641.360
- Nguyên giá	228		13.661.264.000	13.661.264.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.450.762.928)	(2.128.622.640)
<b>II. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>13</b>	<b>37.584.671.210</b>	<b>40.362.774.729</b>
- Nguyên giá	231		47.581.767.270	50.049.350.032
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(9.997.096.060)	(9.686.575.303)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>5.796.972.688</b>	<b>6.389.748.881</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		5.223.006.318	5.758.621.872
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		573.966.370	631.127.009
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>172.730.817.077</b>	<b>181.672.290.346</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	14	39.561.955.290	38.196.355.290
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	15	127.476.363.712	138.040.333.312
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	16	7.451.619.996	7.451.619.996
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	17	(1.759.121.921)	(2.016.018.252)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>7.052.448.802</b>	<b>7.959.722.349</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	18	5.970.386.893	6.298.709.430
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19	1.082.061.909	1.661.012.919
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>441.488.932.563</b>	<b>454.835.633.147</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>131.492.395.322</b>	<b>140.396.097.302</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>55.474.990.909</b>	<b>68.068.803.981</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	11.246.443.488	4.809.829.134
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.387.140.681	6.585.631.468
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21	605.219.820	2.190.113.213
4. Phải trả người lao động	314		3.423.858.935	3.606.172.010
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		792.929.636	757.232.452
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	22	3.007.250.971	2.865.247.433
7. Phải trả ngắn hạn khác	319		1.379.302.104	4.708.155.331
8. Vay ngắn hạn	320	23	29.074.113.875	41.230.267.654
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		558.731.399	1.316.155.286
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>76.017.404.413</b>	<b>72.327.293.321</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	22	76.017.404.413	72.327.293.321
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>309.996.537.241</b>	<b>314.439.535.845</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>24</b>	<b>309.996.537.241</b>	<b>314.439.535.845</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		275.000.000.000	275.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		275.000.000.000	275.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.397.496.193	11.397.496.193
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		23.599.041.048	28.042.039.652
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		10.043.571	42.245.928
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		23.588.997.477	27.999.793.724
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> <b>(440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>441.488.932.563</b>	<b>454.835.633.147</b>



Nguyễn Ngọc Minh  
Người lập biểu



Nguyễn Hoàng Lam  
Kế toán trưởng



Đông Thị Ánh  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2021



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết		Năm nay	Năm trước
	Mã số	minh		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		220.795.718.942	408.617.184.267
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	26	220.795.718.942	408.617.184.267
3. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	27	199.995.293.003	369.865.351.146
4. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		20.800.425.939	38.751.833.121
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	19.447.029.751	23.004.560.693
6. Chi phí tài chính	22	30	6.676.520.631	4.591.235.644
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.655.083.246	3.063.241.138
7. Chi phí bán hàng	25	31	4.451.002.964	11.943.634.064
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	13.220.520.204	14.014.822.146
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		15.899.411.891	31.206.701.960
10. Thu nhập khác	31	32	11.715.907.567	183.991.295
11. Chi phí khác	32	32	1.016.698.145	528.588
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		10.699.209.422	183.462.707
13. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		26.598.621.313	31.390.164.667
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	2.430.672.826	2.681.197.249
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	33	578.951.010	709.173.694
16. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		23.588.997.477	27.999.793.724



Nguyễn Ngọc Minh  
Người lập biểu



Nguyễn Hoàng Lam  
Kế toán trưởng





Đông Thị Ánh  
Tổng Giám đốc  
Ngày 29 tháng 3 năm 2021

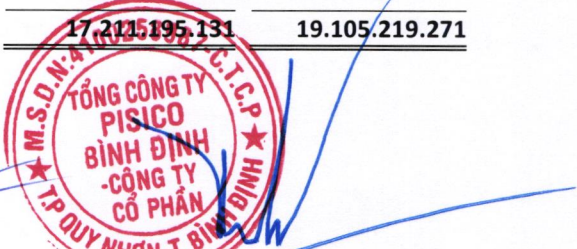
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>26.598.621.313</b>	<b>31.390.164.667</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	5.810.293.880	5.990.517.869
Các khoản dự phòng	03	1.304.428.728	1.196.565.238
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	64.370.923	29.089.277
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(21.324.301.972)	(22.202.092.041)
Chi phí lãi vay	06	1.655.083.246	3.063.241.138
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>14.108.496.118</b>	<b>19.467.486.148</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	30.563.317.546	38.270.136.286
Thay đổi hàng tồn kho	10	(13.023.259.609)	12.379.119.138
Thay đổi các khoản phải trả	11	5.571.808.055	4.192.266.089
Thay đổi chi phí trả trước	12	197.757.399	(567.505.460)
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.691.022.326)	(3.085.186.662)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.958.957.204)	(635.608.887)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	11.930.000	2.090.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.301.349.968)	(2.200.457.335)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>30.478.720.011</b>	<b>67.822.339.317</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(3.433.879.818)	(1.669.188.855)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	8.208.708.909	312.727.272
3. Tiền chi cho vay	23	(30.955.000.000)	(16.220.780.000)
4. Tiền thu hồi cho vay	24	10.000.000.000	10.190.780.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(3.614.080.000)	(5.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	9.005.280.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	18.133.187.544	9.766.251.096
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>7.344.216.635</b>	<b>(2.620.210.487)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	111.252.801.040	138.576.308.674
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(123.472.003.523)	(180.826.302.915)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(27.494.366.500)	(22.825.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(39.713.568.983)</b>	<b>(65.074.994.241)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(1.890.632.337)</b>	<b>127.134.589</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>19.105.219.271</b>	<b>18.977.912.409</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(3.391.803)	172.273
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>17.211.195.131</b>	<b>19.105.219.271</b>

  
Nguyễn Ngọc Minh  
Người lập biểu

  
Nguyễn Hoàng Lam  
Kế toán trưởng

  
Đồng Thị Ánh  
Tổng Giám đốc  
Ngày 29 tháng 3 năm 2021



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty PISICO Bình Định - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty"), tiền thân là Tổng Công ty Sản xuất Đầu tư Dịch vụ Xuất nhập khẩu Bình Định, là Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu được thành lập theo Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân ("UBND") tỉnh Bình Định và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100258987 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 01 tháng 9 năm 2010.

Ngày 17 tháng 10 năm 2013, UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 3065/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa chuyển Tổng Công ty Sản xuất Đầu tư Dịch vụ Xuất nhập khẩu Bình Định thành Tổng Công ty PISICO Bình Định - Công ty Cổ phần.

Tổng Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần ("CTCP") kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4100258987 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp đăng ký thay đổi lần 3 vào ngày 27 tháng 01 năm 2014.

Tổng Công ty đã được chấp thuận giao dịch cổ phiếu phổ thông trên thị trường UPCoM theo Quyết định số 851/QĐ-SGDHN ngày 21 tháng 12 năm 2015 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán PIS. Ngày giao dịch đầu tiên của mã chứng khoán PIS là ngày 12 tháng 01 năm 2016 (theo sự chấp thuận của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại Thông báo số 1501/TB-SGDHN ngày 31 tháng 12 năm 2015).

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 294 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 358 người).

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm trồng và khai thác rừng; Tư vấn thiết kế công trình lâm sinh; Kinh doanh nguyên liệu giấy; Khai thác, chế biến và mua bán hàng nông, lâm, thủy sản; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; Sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện; Sản xuất và mua bán hàng công nghiệp thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, may mặc, giày da; Thăm dò, khai thác, chế biến, mua bán tài nguyên khoáng sản các loại; Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên phụ liệu cho ngành nông, lâm, thủy sản và vật liệu xây dựng; Mua bán máy móc, phương tiện vận tải, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, xăng dầu; Kinh doanh truyền hình cáp và vật tư, thiết bị viễn thông; Kinh doanh dịch vụ cảng biển; Kinh doanh khách sạn và dịch vụ ăn uống; Dịch vụ cho thuê kho, bãi, giao nhận và bảo quản hàng hóa; Sản xuất các loại bao bì, sản phẩm tiêu dùng từ chất dẻo; Đầu tư hạ tầng; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng và kinh doanh bất động sản; Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước; Cung ứng và quản lý nguồn lao động làm việc ở nước ngoài; Dịch vụ hỗ trợ giáo dục; Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm; Cung ứng lao động tạm thời; Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Sự kiện quan trọng trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng**

Trong năm 2020, sự lây lan của dịch bệnh do chủng virus Corona mới gây ra (“Covid-19”) đã và đang tác động đến nền kinh tế thế giới và Việt Nam. Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty cũng chịu ảnh hưởng gián tiếp từ diễn biến không chắc chắn của đại dịch Covid-19 ở Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá ảnh hưởng của Covid-19 đối với tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty đồng thời theo dõi các chính sách hỗ trợ của Chính phủ để thực hiện tất cả các biện pháp thích hợp nhằm hạn chế tác động tiêu cực của dịch bệnh tới hoạt động của Tổng Công ty trong năm tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng tin tưởng rằng Covid-19 không ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty có các chi nhánh trực thuộc, công ty con và công ty liên kết như sau:

(i) Danh sách các chi nhánh trực thuộc:

- Xí nghiệp Chế biến Lâm sản Xuất khẩu PISICO – Chi nhánh PISICO được thành lập theo Giấy chứng nhận Chi nhánh số 4100258987-001 ngày 01 tháng 9 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp. Hoạt động chính của Chi nhánh này là sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện.
- Xí nghiệp Lâm nghiệp PISICO – Chi nhánh PISICO được thành lập theo Giấy chứng nhận Chi nhánh số 4100258987-003 ngày 01 tháng 9 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp. Hoạt động chính của Chi nhánh này là trồng rừng và chăm sóc rừng.
- Xí nghiệp Kinh doanh và Phát triển Hạ tầng PISICO – Chi nhánh PISICO được thành lập theo Giấy chứng nhận Chi nhánh số 4100258987-018 ngày 01 tháng 9 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp. Hoạt động chính của Chi nhánh này là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

(ii) Danh sách các công ty con:

<b>Tên công ty con</b>	<b>Nơi thành lập và hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ phần sở hữu %</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %</b>	<b>Hoạt động chính</b>
CTCP Dịch vụ Phát triển Hạ tầng P.B.C	Quy Nhơn, Bình Định, Việt Nam	70,83%	70,83%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, cho thuê cơ sở hạ tầng.
Công ty TNHH MTV Truyền hình cáp Quy Nhơn	Quy Nhơn, Bình Định, Việt Nam	100,00%	100,00%	Quản lý hoạt động và kinh doanh truyền hình cáp; Kinh doanh vật tư, thiết bị chuyên ngành truyền hình; Hoạt động kinh doanh các chương trình quảng cáo, dịch vụ truyền thông, tổ chức sự kiện cho các doanh nghiệp.
Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Qui Nhơn	Quy Nhơn, Bình Định, Việt Nam	51,00%	51,00%	Thu mua, chế biến và sản xuất dăm gỗ xuất khẩu.

<b>Tên công ty con</b>	<b>Nơi thành lập và hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ phần sở hữu %</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %</b>	<b>Hoạt động chính</b>
Công ty TNHH MTV HR Pisico	Quy Nhơn, Bình Định, Việt Nam	100,00%	100,00%	Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước; Cung ứng và quản lý nguồn lao động làm việc ở nước ngoài; Dịch vụ hỗ trợ giáo dục; Giáo dục khác chưa được phân vào đâu; Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm; Cung ứng lao động tạm thời.
CTCP Pisico Đắk Lắk	M'Đrắk, Đắk Lắk, Việt Nam	75,87%	75,87%	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; Sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện.

(iii) Danh sách các công ty liên kết:

<b>Tên công ty liên kết</b>	<b>Nơi thành lập và hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ phần sở hữu %</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %</b>	<b>Hoạt động chính</b>
CTCP Kinh doanh Công nông nghiệp Bình Định (*)	Quy Nhơn, Bình Định, Việt Nam	50,00%	50,00%	Trồng và khai thác cây cao su.
CTCP Chế biến gỗ Nội thất PISICO	Quy Nhơn, Bình Định, Việt Nam	40,01%	40,01%	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế.
CTCP PISICO Hà Thanh	Vân Canh, Bình Định, Việt Nam	44,97%	44,97%	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa.

(\*) CTCP Kinh doanh Công nông nghiệp Bình Định có công ty con là Công ty TNHH Lào Bidina với tỷ lệ sở hữu là 100%. Công ty TNHH Lào Bidina được thành lập tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào với thời gian hoạt động là 50 năm theo Giấy phép đầu tư nước ngoài số 131-06/UB-KHĐT ngày 26 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Kế hoạch và Đầu tư nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào cấp, và giấy phép điều chỉnh. Hoạt động chính của Công ty là trồng và khai thác cây cao su.

#### **Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

### **Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng này được lập để trình bày tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và kết quả kinh doanh riêng cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty bao gồm Văn phòng Tổng Công ty và các chi nhánh trực thuộc. Tổng Công ty không thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính của các công ty con và các công ty liên doanh, liên kết vào báo cáo tài chính riêng này. Tổng Công ty cũng đã lập một bộ báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020. Chính sách kế toán đối với các khoản đầu tư của Tổng Công ty được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 3 dưới đây.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Tiền và tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### **Các khoản đầu tư tài chính**

##### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

##### *Đầu tư vào công ty con*

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

##### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

*Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

*Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn*

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư tài chính dài hạn theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua vào của hàng tồn kho và chi phí thu mua, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị - Khác	3 - 15
Thiết bị văn phòng	3 - 8
Phương tiện vận tải	6 - 15
Tài sản cố định hữu hình khác	4 - 10



Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất và các phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn thì không khấu hao theo quy định hiện hành. Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất là 50 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 4 năm.

#### **Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 50 năm.

#### **Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn**

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn thể hiện các khoản chi phí đã phát sinh liên quan đến hoạt động trồng, chăm sóc, bảo vệ đối với rừng kinh tế do Tổng Công ty tự trồng và dự kiến sẽ thu hoạch trong thời gian hơn 12 tháng kể từ ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình mua sắm phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản dài hạn khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu liên quan đến tiền thuê đất, cơ sở hạ tầng, giá vốn công cụ, dụng cụ và các chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất, cơ sở hạ tầng thể hiện số tiền thuê đã được trả trước. Tiền thuê trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.



### Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

*Tổng Công ty là bên cho thuê:* Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Tổng Công ty là bên đi thuê:* Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

### Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện phần doanh thu nhận trước của nhiều năm tài chính liên quan đến hoạt động cho thuê văn phòng và cơ sở hạ tầng các cụm công nghiệp. Doanh thu nhận trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian cho thuê.

### Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm, doanh thu được ghi nhận trong năm tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành dịch vụ cung cấp.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



4. TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	747.570.243	163.039.105
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.463.624.888	18.942.180.166
	<b>17.211.195.131</b>	<b>19.105.219.271</b>

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Các bên liên quan (Thuyết minh số 35)</b>	<b>10.913.860.266</b>	<b>3.909.304.080</b>
<b>b. Các bên thứ ba</b>	<b>15.185.499.162</b>	<b>10.265.051.251</b>
OBI Group Sourcing Hong Kong Limited	3.842.217.269	-
AGRAVIS Raiffeisen AG	2.143.139.544	-
Euromate GmbH	2.177.707.247	-
Asindo Limited	-	2.818.192.859
Các khách hàng khác	7.022.435.102	7.446.858.392
	<b>26.099.359.428</b>	<b>14.174.355.331</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, một phần khoản phải thu đã được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng như trình bày tại Thuyết minh số 23.

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Các bên liên quan (Thuyết minh số 35)</b>	<b>14.300.000.000</b>	<b>60.000.000.000</b>
<b>b. Các bên thứ ba</b>	<b>2.352.735.860</b>	<b>616.251.180</b>
CTCP Tư vấn Thiết kế Xây dựng Phương Việt	1.697.790.000	-
Các nhà cung cấp khác	654.945.860	616.251.180
	<b>16.652.735.860</b>	<b>60.616.251.180</b>

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy (*)	33.630.780.000	14.220.780.000
CTCP Kinh doanh Công nông nghiệp Bình Định (**)	5.734.220.000	4.189.220.000
	<b>39.365.000.000</b>	<b>18.410.000.000</b>

(\*) Thể hiện khoản cho vay ngắn hạn tín chấp đối với Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy, cổ đông lớn, với lãi suất cho vay là 6,5%/năm.

(\*\*) Thể hiện khoản cho vay ngắn hạn tín chấp đối với CTCP Kinh doanh Công nông nghiệp Bình Định, với lãi suất cho vay là 6,5%/năm nhằm mục đích hỗ trợ nhu cầu vốn lưu động.

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
<b>a. Các bên liên quan (Thuyết minh số 35)</b>	<b>15.915.358.529</b>		<b>14.759.751.592</b>	
<b>b. Các bên thứ ba</b>	<b>4.495.711.389</b>		<b>3.149.988.777</b>	
CTCP Chế biến Tinh bột sản Xuất khẩu Bình Định	1.033.203.572		1.033.203.572	
CTCP Lâm sản PISICO Quảng Nam	1.820.000.000		2.047.500.000	
Khác	1.642.507.817		69.285.205	
	<b>20.411.069.918</b>		<b>17.909.740.369</b>	

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Trên 3 năm	1.851.570.877	(1.851.570.877)	541.765.308	(541.765.308)
Từ 2-3 năm	632.633.483	(442.843.438)	900.962.269	(630.673.590)
Từ 1-2 năm	1.519.223.780	(759.611.892)	1.030.989.435	(515.494.717)
Từ 6 tháng - 1 năm	1.215.646.659	(364.693.998)	564.871.771	(169.461.531)
	<b>5.219.074.799</b>	<b>(3.418.720.205)</b>	<b>3.038.588.783</b>	<b>(1.857.395.146)</b>

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	139.228.076	-
Nguyên liệu, vật liệu	13.941.590.356	-	13.792.612.856	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	33.154.821	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	18.805.643.190	-	11.007.345.684	-
Thành phẩm	3.555.506.703	-	348.428.738	-
Hàng hoá	3.458.704.429	-	645.609.522	-
	<b>39.761.444.678</b>	<b>-</b>	<b>25.966.379.697</b>	<b>-</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, một phần hàng tồn kho đã được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng với giá trị được định giá là 19.751.000.000 đồng như trình bày tại Thuyết minh 23.

(\*) Trong chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm chi phí thẩm định hồ sơ và khảo sát địa chất với giá trị là 236.189.818 đồng cho giai đoạn đầu của dự án “Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội Pisico” theo Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị số 39/NQ-HĐQT ngày 26 tháng 8 năm 2020 với tổng mức đầu tư 284.339.000.000 đồng.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư đầu năm	64.891.444.741	24.073.244.935	810.556.469	10.947.714.354	887.959.341	101.610.919.840
Tăng trong năm	-	170.000.000	-	1.329.900.000	-	1.499.900.000
Thanh lý	-	(450.000.000)	-	(700.000.000)	-	(1.150.000.000)
Số dư cuối năm	64.891.444.741	23.793.244.935	810.556.469	11.577.614.354	887.959.341	101.960.819.840
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư đầu năm	25.496.851.572	16.034.581.460	757.733.290	6.290.931.238	776.206.049	49.356.303.609
Khấu hao trong năm	2.837.983.725	1.111.749.387	15.908.677	771.850.259	53.929.204	4.791.421.252
Thanh lý	-	(450.000.000)	-	(700.000.000)	-	(1.150.000.000)
Số dư cuối năm	28.334.835.297	16.696.330.847	773.641.967	6.362.781.497	830.135.253	52.997.724.861
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày đầu năm	<b>39.394.593.169</b>	<b>8.038.663.475</b>	<b>52.823.179</b>	<b>4.656.783.116</b>	<b>111.753.292</b>	<b>52.254.616.231</b>
Tại ngày cuối năm	<b>36.556.609.444</b>	<b>7.096.914.088</b>	<b>36.914.502</b>	<b>5.214.832.857</b>	<b>57.824.088</b>	<b>48.963.094.979</b>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 với giá trị là 16.234.698.176 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 15.318.612.280 đồng).

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 23 Tổng Công ty đã thế chấp nhà xưởng và vật kiến trúc, máy móc và thiết bị, thiết bị văn phòng, phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 12.301.905.579 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 14.432.289.339 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu năm và cuối năm	13.607.264.000	54.000.000	13.661.264.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu năm	2.088.122.640	40.500.000	2.128.622.640
Khấu hao trong năm	308.640.288	13.500.000	322.140.288
Số dư cuối năm	2.396.762.928	54.000.000	2.450.762.928
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu năm	<u>11.519.141.360</u>	<u>13.500.000</u>	<u>11.532.641.360</u>
Tại ngày cuối năm	<u>11.210.501.072</u>	<u>-</u>	<u>11.210.501.072</u>

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 với giá trị là 54.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 0 đồng).

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp Cát Nhơn và Canh Vinh VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Số dư đầu năm	50.049.350.032
Giảm tài sản (*)	(2.467.582.762)
Số dư cuối năm	47.581.767.270
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Số dư đầu năm	9.686.575.303
Trích khấu hao trong năm	696.732.340
Giảm tài sản (*)	(386.211.583)
Số dư cuối năm	9.997.096.060
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày đầu năm	<u>40.362.774.729</u>
Tại ngày cuối năm	<u>37.584.671.210</u>

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 – “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc niên độ kế toán cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này vì Tổng Công ty có ý định nắm giữ các bất động sản đầu tư này lâu dài và cũng như không xác định được các bất động sản đầu tư cùng loại để xác định giá trị hợp lý.

(\*) Theo Quyết định số 3188/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bình Định ngày 05 tháng 8 năm 2020 với nội dung phê duyệt hỗ trợ giải phóng mặt bằng để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Becamex Bình Định (đợt 2), UBND tỉnh Bình Định quyết định thu hồi và đền bù một phần dự án Cụm công nghiệp Canh Vinh của Tổng Công ty. Do đó, Tổng Công ty điều chỉnh giảm tương ứng giá trị nguyên giá và khấu hao lũy kế của phần bị thu hồi.

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
CTCP Dịch vụ Phát triển Hạ tầng P.B.C	13.625.000.000	13.625.000.000
Công ty TNHH MTV Truyền hình cáp Quy Nhơn	5.469.524.664	5.469.524.664
Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	14.101.830.626	14.101.830.626
Công ty TNHH MTV HR PISICO	5.000.000.000	5.000.000.000
CTCP PISICO Đắc Lắc	1.365.600.000	-
	<b>39.561.955.290</b>	<b>38.196.355.290</b>

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
CTCP Kinh doanh Công nông nghiệp Bình Định	110.011.633.155	110.011.633.155
CTCP Chế biến gỗ Nội thất PISICO	7.796.250.557	7.796.250.557
CTCP PISICO Hà Thanh	9.668.480.000	7.420.000.000
CTCP Chế biến gỗ PISICO Đồng An (*)	-	5.812.449.600
Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng PISICO (**)	-	7.000.000.000
	<b>127.476.363.712</b>	<b>138.040.333.312</b>

(\*) Trong năm, CTCP Chế biến gỗ PISICO Đồng An đã thực hiện giải thể theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 04-2020/NQ-HĐQT của CTCP Chế biến gỗ PISICO Đồng An ngày 07 tháng 12 năm 2020.

(\*\*) Trong năm, Tổng Công ty đã thực hiện việc chuyển nhượng toàn bộ giá trị phần góp vốn tại Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng PISICO theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 46/NQ-HĐQT ngày 05 tháng 12 năm 2019.

16. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
CTCP Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam	35.000.000	35.000.000
CTCP Chế biến Tinh bột sắn Xuất khẩu Bình Định	3.639.669.130	3.639.669.130
CTCP Lâm sản PISICO Quảng Nam	3.776.950.866	3.776.950.866
	<b>7.451.619.996</b>	<b>7.451.619.996</b>

17. DỰ PHÒNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
CTCP Chế biến Tinh bột sắn Xuất khẩu Bình Định	883.905.973	883.905.973
Công ty TNHH MTV HR PISICO	875.215.948	-
Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng PISICO	-	1.132.112.279
	<b>1.759.121.921</b>	<b>2.016.018.252</b>

18. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuê kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Phú Tài	4.810.090.953	4.981.879.917
Khác	1.160.295.940	1.316.829.513
	<b>5.970.386.893</b>	<b>6.298.709.430</b>

19. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	4.595.743.417	4.957.366.860
Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(3.513.681.508)	(3.296.353.941)
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>1.082.061.909</b>	<b>1.661.012.919</b>

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	3.513.681.508	3.296.353.941
Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(3.513.681.508)	(3.296.353.941)
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

20. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
ScanCom Ltd.	2.620.420.054	2.620.420.054	-	-
Công ty TNHH MTV Hậu Minh	1.205.864.820	1.205.864.820	497.992.645	497.992.645
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hoàng Trang	1.096.883.357	1.096.883.357	247.907.253	247.907.253
DNTN Dệt may Thương mại Vạn Phát	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Khác	5.323.275.257	5.323.275.257	3.063.929.236	3.063.929.236
	<b>11.246.443.488</b>	<b>11.246.443.488</b>	<b>4.809.829.134</b>	<b>4.809.829.134</b>



21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa	60.264.657	1.637.088.914	1.697.353.571	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	5.663.561	387.383.847	393.047.408	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	2.124.720.537	2.124.720.537	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.084.639.165	2.430.672.826	3.958.957.204	556.354.787
Thuế thu nhập cá nhân	39.545.830	538.319.512	529.000.309	48.865.033
Các loại thuế khác	-	523.288.469	523.288.469	-
	<b>2.190.113.213</b>	<b>7.641.474.105</b>	<b>9.226.367.498</b>	<b>605.219.820</b>

22. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Cho thuê văn phòng làm việc	249.255.000	279.375.000
Cho thuê cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp	2.757.995.971	2.585.872.433
	<b>3.007.250.971</b>	<b>2.865.247.433</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Cho thuê cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp	76.017.404.413	72.327.293.321
	<b>76.017.404.413</b>	<b>72.327.293.321</b>

23. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm	Số cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	
	Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị	
			Chênh lệch do đánh giá tỷ giá cuối kỳ		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định (*)	35.230.267.654	111.252.801.040	(117.472.003.523)	63.048.704	29.074.113.875
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định	2.000.000.000	-	(2.000.000.000)	-	-
Công ty TNHH MTV Truyền hình cáp Quy Nhơn	4.000.000.000	-	(4.000.000.000)	-	-
	<b>41.230.267.654</b>	<b>111.252.801.040</b>	<b>(123.472.003.523)</b>	<b>63.048.704</b>	<b>29.074.113.875</b>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, vay ngắn hạn thể hiện hai khoản vay của Tổng Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định bao gồm:

- Hợp đồng số 161/NHNT-BĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 với hạn mức tín dụng là 60 tỷ đồng, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và có thời hạn cho vay tối đa là 04 tháng với lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, khoản vay này chịu lãi suất 5,5%/năm.
- Hợp đồng số 162/NHNT-BĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 với hạn mức tín dụng là 40 tỷ đồng, có thể giải ngân bằng Đồng Việt Nam hoặc Đô la Mỹ, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và có thời hạn cho vay tối đa là 06 tháng với lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, khoản vay này được giải ngân bằng Đô la Mỹ và chịu lãi suất 3,2%/năm.

Tổng Công ty đã sử dụng một phần khoản phải thu, hàng tồn kho, nhà xưởng và vật kiến trúc, máy móc và thiết bị, thiết bị văn phòng, phương tiện vận tải để thế chấp cho khoản vay này (xem các Thuyết minh số 5, 10, và 11).

**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>275.000.000.000</b>	<b>11.397.496.193</b>	<b>24.287.768.075</b>	<b>310.685.264.268</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	27.999.793.724	27.999.793.724
Chia cổ tức	-	-	(22.825.000.000)	(22.825.000.000)
Phân phối quỹ	-	-	(1.180.522.147)	(1.180.522.147)
Trích khen thưởng	-	-	(240.000.000)	(240.000.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>275.000.000.000</b>	<b>11.397.496.193</b>	<b>28.042.039.652</b>	<b>314.439.535.845</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	23.588.997.477	23.588.997.477
Chia cổ tức	-	-	(27.500.000.000)	(27.500.000.000)
Phân phối quỹ	-	-	(411.996.081)	(411.996.081)
Trích khen thưởng	-	-	(120.000.000)	(120.000.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>275.000.000.000</b>	<b>11.397.496.193</b>	<b>23.599.041.048</b>	<b>309.996.537.241</b>

Căn cứ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 24 tháng 6 năm 2020, Tổng Công ty thực hiện chia cổ tức với tỷ lệ 10% trên vốn điều lệ, tương ứng với số tiền là 27.500.000.000 đồng; trích quỹ khen thưởng phúc lợi với tỷ lệ 1,47% trên lợi nhuận sau thuế năm 2019, tương ứng với số tiền là 411.996.081 đồng và trích khen thưởng các cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2019 với số tiền là 120.000.000 đồng. Trong năm, Tổng Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức và trích lập các quỹ nêu trên.

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 275.000.000.000 đồng. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, vốn điều lệ của Tổng Công ty được góp đủ với chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2020 và 31/12/2019	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	266.270.000.000	96,83
Các cổ đông khác	8.730.000.000	3,17
	<b>275.000.000.000</b>	<b>100</b>

Số cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty:

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng</b>		
+ Cổ phần phổ thông	27.500.000	27.500.000
<b>Số lượng cổ phần hiện đang lưu hành</b>		
+ Cổ phần phổ thông	27.500.000	27.500.000

Cổ phần phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Tổng Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng Công ty.

25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn được trình bày ở Thuyết minh số 34.

Ngoại tệ các loại:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đô la Mỹ ("USD")	202.469	135.147
Euro ("EUR")	263	313

26. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm và hàng hóa	142.798.615.503	319.133.105.113
Doanh thu cung cấp dịch vụ	72.254.677.554	85.765.880.842
Doanh thu cho thuê hạ tầng khu công nghiệp	5.742.425.885	3.718.198.312
	<b><u>220.795.718.942</u></b>	<b><u>408.617.184.267</u></b>

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm và hàng hóa	135.383.488.452	295.776.980.972
Giá vốn cung cấp dịch vụ	61.214.773.285	71.501.650.246
Giá vốn cho thuê hạ tầng khu công nghiệp	3.397.031.266	2.586.719.928
	<b><u>199.995.293.003</u></b>	<b><u>369.865.351.146</u></b>

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	23.820.081.991	23.963.803.036
Chi phí nhân công	25.565.302.758	29.689.092.272
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.810.293.880	5.990.517.869
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.472.634.482	60.968.220.670
Chi phí khác bằng tiền	15.918.138.457	25.917.364.078
	<b><u>122.586.451.568</u></b>	<b><u>146.528.997.925</u></b>

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	4.425.822.163	4.666.604.288
Cổ tức và lợi nhuận được chia	14.635.472.318	17.480.442.400
Lãi chênh lệch tỷ giá	385.735.270	857.514.005
	<b><u>19.447.029.751</u></b>	<b><u>23.004.560.693</u></b>

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	1.655.083.246	3.063.241.138
Lỗi chênh lệch tỷ giá	437.960.544	395.882.227
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư	1.908.419.520	1.132.112.279
Lỗi do thanh lý các khoản đầu tư	2.675.057.321	-
	<b>6.676.520.631</b>	<b>4.591.235.644</b>

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>a. Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ	1.404.054.585	3.230.679.214
Chi phí dịch vụ mua ngoài	810.030.016	1.758.509.384
Chi phí khác	2.236.918.363	6.954.445.466
	<b>4.451.002.964</b>	<b>11.943.634.064</b>
<b>b. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên	3.974.293.983	4.064.063.497
Chi phí nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ	876.083.750	888.936.671
Chi phí khấu hao	2.348.611.708	2.399.302.929
Chi phí dự phòng	528.121.487	64.452.959
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.018.010.225	3.340.831.023
Chi phí khác	2.475.399.051	3.257.235.067
	<b>13.220.520.204</b>	<b>14.014.822.146</b>

32. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Lãi thanh lý tài sản cố định tại Cụm Công nghiệp Canh Vinh	5.940.586.182	-
Thu nhập từ đền bù thu hồi mặt bằng	4.712.858.000	-
Thu nhập từ xử lý công nợ phải trả	826.755.059	-
Các khoản khác	235.708.326	183.991.295
	<b>11.715.907.567</b>	<b>183.991.295</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Giảm giá trị rùng kinh tế do thu hồi mặt bằng	1.015.465.920	-
Các khoản khác	1.232.225	528.588
	<b>1.016.698.145</b>	<b>528.588</b>

**33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	26.598.621.313	31.390.164.667
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>2.898.901.885</i>	<i>1.324.414.174</i>
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	<i>(14.635.472.318)</i>	<i>(17.480.442.400)</i>
<i>Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm khác</i>	<i>(2.708.686.751)</i>	<i>(1.828.150.195)</i>
<b>Lợi nhuận tính thuế</b>	<b>12.153.364.129</b>	<b>13.405.986.246</b>
Thu nhập tính thuế suất thông thường 20%	12.153.364.129	13.405.986.246
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành</b>	<b>2.430.672.826</b>	<b>2.681.197.249</b>
	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	578.951.010	709.173.694
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>578.951.010</b>	<b>709.173.694</b>

Tổng Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ dự án đầu tư Cụm Công nghiệp Canh Vinh và Cụm Công nghiệp Cát Nhơn. Theo đó, Tổng Công ty được miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập tính thuế (từ năm 2012 đến năm 2015) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo (từ năm 2016 đến năm 2022). Đối với các hoạt động kinh doanh còn lại, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**34. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	828.653.166	827.021.003
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	3.323.693.797	3.308.084.011
Sau năm năm	16.465.297.645	17.256.180.198
	<b>20.617.644.608</b>	<b>21.391.285.212</b>

Các khoản cam kết thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê quyền sử dụng đất tại văn phòng Tổng Công ty, xí nghiệp, thuê đất trồng rừng sản xuất, thuê đất gắn kết hạ tầng và phải trả liên quan đến các hợp đồng thuê của Tổng Công ty với thời gian thuê trên 01 năm.

35. **NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Truyền hình cáp Quy Nhơn	Công ty con
Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	Công ty con
Công ty TNHH MTV HR Pisico	Công ty con
CTCP Pisico Đắc Lắc	Công ty con
CTCP Kinh doanh Công nông nghiệp Bình Định	Công ty liên kết
CTCP Chế biến gỗ Nội thất PISICO	Công ty liên kết
CTCP PISICO Hà Thanh	Công ty liên kết
CTCP Chế biến gỗ PISICO Đồng An	Công ty liên kết
Công ty TNHH Thương mại Ánh Việt	Công ty cùng chủ sở hữu
Công ty TNHH Khoáng sản Việt Lâm	Công ty cùng chủ sở hữu

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Bán hàng</b>		
CTCP PISICO Hà Thanh	6.081.355.900	6.224.378.900
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	5.244.080.916	557.617.500
CTCP Chế biến gỗ Nội thất PISICO	2.346.309.854	4.268.594.602
Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	-	5.425.208.400
	<b><u>13.671.746.670</u></b>	<b><u>16.475.799.402</u></b>
<b>Mua hàng</b>		
CTCP PISICO Hà Thanh	102.033.030.082	137.943.345.817
CTCP Chế biến gỗ PISICO Đồng An	4.844.290.600	-
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	565.153.585	-
Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	-	90.094.033.845
	<b><u>107.442.474.267</u></b>	<b><u>228.037.379.662</u></b>
<b>Thu tiền cho thuê cơ sở hạ tầng, cho thuê văn phòng</b>		
Công ty TNHH Thương mại Ánh Việt	99.151.824	92.944.261
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	115.237.524	92.944.261
Công ty TNHH MTV Truyền hình cáp Quy Nhơn	480.000.000	480.000.000
Công ty TNHH MTV HR PISICO	111.031.684	-
	<b><u>805.421.032</u></b>	<b><u>665.888.522</u></b>
<b>Cho thuê cơ sở hạ tầng và dịch vụ đi kèm</b>		
CTCP PISICO Hà Thanh	802.145.905	795.138.025
<b>Lợi nhuận, cổ tức được chia</b>		
Công ty TNHH MTV Truyền hình cáp Quy Nhơn	1.500.000.000	1.850.000.000
Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	1.499.400.000	2.935.050.000
CTCP Chế biến gỗ Nội thất PISICO	3.151.050.000	4.201.400.000
CTCP Chế biến gỗ PISICO Đồng An	4.624.290.318	1.816.742.400
CTCP PISICO Hà Thanh	2.029.032.000	2.226.000.000
	<b><u>12.803.772.318</u></b>	<b><u>13.029.192.400</u></b>



**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH – CÔNG TY CỔ PHẦN  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
<b>Chia cổ tức</b>		
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	26.627.000.000	22.100.410.000
<b>Cho vay</b>		
CTCP Kinh doanh Công Nông nghiệp Bình Định	5.545.000.000	2.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	25.410.000.000	14.220.780.000
	<b>30.955.000.000</b>	<b>16.220.780.000</b>
<b>Tiền thu hồi cho vay</b>		
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	6.000.000.000	-
CTCP Kinh doanh Công Nông nghiệp Bình Định	4.000.000.000	10.190.780.000
	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.190.780.000</b>
<b>Lãi cho vay</b>		
CTCP Kinh doanh Công nông nghiệp Bình Định	489.913.996	669.747.800
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	2.059.626.593	87.303.392
	<b>2.549.540.589</b>	<b>757.051.192</b>
<b>Trả tiền vay ngắn hạn</b>		
Công ty TNHH MTV Truyền hình cáp Quy Nhơn	4.000.000.000	-
<b>Góp vốn</b>		
CTCP PISICO Hà Thanh	2.248.480.000	-
CTCP Pisico Đắc Lắc	1.365.600.000	-
Công ty TNHH MTV HR Pisico	-	5.000.000.000
	<b>3.614.080.000</b>	<b>5.000.000.000</b>
<b>Lãi ứng trước tiền hàng</b>		
Công ty TNHH Thương mại Ánh Việt	1.068.510.957	1.105.000.000
Công ty TNHH Khoáng sản Việt Lâm	795.760.273	2.795.000.000
	<b>1.864.271.230</b>	<b>3.900.000.000</b>
<b>Thu lại tiền ứng trước tiền mua hàng</b>		
Công ty TNHH Khoáng sản Việt Lâm	43.000.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Ánh Việt	2.700.000.000	-
	<b>45.700.000.000</b>	<b>-</b>
<b>Hoàn trả các khoản phải trả khác</b>		
Công ty TNHH MTV HR PISICO	2.710.000.000	-



Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	6.662.872.502	1.507.579.550
CTCP PISICO Hà Thanh	4.204.720.346	1.160.399.230
Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	-	1.185.836.500
Công ty TNHH Thương mại Ánh Việt	46.267.418	55.488.800
	<b>10.913.860.266</b>	<b>3.909.304.080</b>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		
Công ty TNHH Thương mại Ánh Việt	14.300.000.000	17.000.000.000
Công ty TNHH Khoáng sản Việt Lâm	-	43.000.000.000
	<b>14.300.000.000</b>	<b>60.000.000.000</b>
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>		
CTCP Kinh doanh Công nông nghiệp Bình Định	5.734.220.000	4.189.220.000
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	33.630.780.000	14.220.780.000
	<b>39.365.000.000</b>	<b>18.410.000.000</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>		
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	2.146.929.985	87.303.392
Công ty TNHH MTV Truyền hình cáp Quy Nhơn	-	1.850.000.000
CTCP Kinh doanh Công nông nghiệp Bình Định	1.159.661.796	669.747.800
Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	1.499.400.000	2.935.050.000
CTCP Chế biến gỗ Nội thất PISICO	3.151.050.000	2.100.700.000
CTCP PISICO Hà Thanh	2.029.032.000	2.226.000.000
CTCP Chế biến gỗ PISICO Đồng An	165.013.518	990.950.400
Công ty TNHH Thương mại Ánh Việt	2.173.510.957	1.105.000.000
Công ty TNHH Khoáng sản Việt Lâm	3.590.760.273	2.795.000.000
	<b>15.915.358.529</b>	<b>14.759.751.592</b>
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>		
Công ty TNHH MTV HR PISICO	-	2.710.000.000
Công ty TNHH MTV Truyền hình cáp Quy Nhơn	-	16.924.932
	<b>-</b>	<b>2.726.924.932</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>		
Công ty TNHH MTV Truyền hình cáp Quy Nhơn	-	4.000.000.000



Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Tiền lương</b>		
Chủ tịch Hội đồng quản trị	488.400.000	444.000.000
Tổng Giám đốc	462.000.000	420.000.000
Phó Tổng Giám đốc	346.500.000	315.000.000
Trưởng Ban kiểm soát	311.520.000	283.200.000
Kế toán trưởng	346.500.000	315.000.000
	<b>1.954.920.000</b>	<b>1.777.200.000</b>
<b>Thù lao</b>		
Phó chủ tịch Hội đồng quản trị	60.000.000	60.000.000
Thành viên Hội đồng quản trị	60.000.000	60.000.000
Thành viên Ban kiểm soát	60.000.000	60.000.000
	<b>180.000.000</b>	<b>180.000.000</b>
	<b>2.134.920.000</b>	<b>1.957.200.000</b>

**36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức trong năm không bao gồm số tiền 18.768.562.101 đồng (năm 2019: 17.840.455.164 đồng), là số lãi tiền gửi và cổ tức còn phải thu. Vì vậy, một số tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia.

  
\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Ngọc Minh**  
Người lập biểu

  
\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Hoàng Lam**  
Kế toán trưởng

  
\_\_\_\_\_  
**Đồng Thị Ánh**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 29 tháng 3 năm 2021

